

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19/6/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huệ và ông Phạm Minh Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Giang Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 11/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/4/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/5/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Quỳnh Tr, sinh năm 1999; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: xxx đường N, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1996; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn M, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Vũ Thị Quỳnh Tr trình bày:

1.1. Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tiến Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam vào ngày 16/5/2018. Sau khi kết hôn, do yêu cầu của công việc nên vợ chồng thường xuyên phải thuê nhà ở theo địa điểm nơi làm việc. Đến đầu năm 2022 khi chị xin được công việc ổn định tại thành phố N, tỉnh Nam Định thì anh Đ yêu cầu chị phải về nhà chồng ở thôn M, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam sinh sống và xin việc ở huyện B cho gần nhà; chị không đồng ý nên hai vợ chồng xảy ra cãi nhau. Sau đó anh Đ có thái độ bỏ mặc không còn quan tâm đến vợ con. Mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 6/2022 khi chị và con là cháu P ốm

đau phải nằm điều trị nội trú thì anh Đ cũng không quan tâm, chăm sóc vợ con. Khi ra viện chị mang cháu P về nhà bố mẹ đẻ ở; anh Đ cũng không đi tìm đón vợ con; chị gọi điện thoại cho anh Đ để nói chuyện giải quyết mâu thuẫn nhưng anh Đ không nghe máy. Khi chị về thăm con gái là cháu N thì cũng không gặp anh Đ, chị muốn đón con về nhà bố mẹ đẻ chơi với em nhưng bố chồng không đồng ý nên giữa gia đình chị và gia đình anh Đ cũng xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 6/2022 đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Tiến Đ để chị sớm ổn định cuộc sống.

1.2. Về con chung: Chị xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Bích N, sinh ngày 30/10/2018 và cháu Nguyễn Tiến P, sinh ngày 28/10/2020; hiện cháu N đang ở với anh Đ, cháu P đang ở với chị. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu P, anh Đ nuôi dưỡng cháu N, hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện các cháu N, P khỏe mạnh, phát triển bình thường.

Chị xác định hiện chị có nơi ăn ở ổn định ở nhà mẹ đẻ tại xxx đường N, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định; chị đang làm công ty may thu nhập ổn định 10.000.000 đồng một tháng.

Chị xác định chị mang thai cháu N trước khi vợ chồng đăng ký kết hôn nhưng cháu N là con chung của vợ chồng. Hiện chị không mang thai.

1.3. Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Ly hôn, chị tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – anh Nguyễn Tiến Đ trình bày:

2.1. Về hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị Quỳnh Tr tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam vào ngày 16/5/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ đẻ ở thôn M, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam đến tháng 5/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng làm ăn kinh tế thua lỗ do dịch bệnh, kinh tế gia đình khó khăn, không đủ chi tiêu. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất vào cuối tháng 6/2022, chị Tr mang con thứ hai về nhà bố mẹ đẻ ở; anh đi đón chị Tr về để vợ chồng chung sống nhưng chị Tr không về. Tết âm lịch năm 2023 anh và bố anh có xuống nhà chị Tr nói chuyện, tuy nhiên do bất đồng quan điểm nên giữa bố anh và bố chị Tr đã xảy ra to tiếng với nhau; từ đó đến nay anh không liên lạc hay tìm gặp chị Tr nữa.

Anh xác định anh đã làm hết mọi biện pháp nhưng chị Tr vẫn không về chung sống cùng anh. Trong quá trình Tòa án giải quyết việc chị Tr kiện ly hôn, anh đã suy nghĩ kỹ và thấy rằng vợ chồng anh không còn khả năng đoàn tụ do vậy anh đồng ý ly hôn chị Tr để hai người ổn định cuộc sống.

2.2. Về con chung: Anh xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Bích N, sinh ngày 30/10/2018 và cháu Nguyễn Tiến P, sinh ngày 28/10/2020. Hiện cháu N đang ở với anh, cháu P đang ở với chị Tr và các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường.

Anh xác định chị Tr đã mang thai cháu N trước khi vợ chồng đăng ký kết hôn nhưng cháu N là con chung của vợ chồng.

Mặc dù anh biết có quy định con dưới 03 tuổi giao cho mẹ nuôi nhưng anh vẫn đề nghị được nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu chị Tr góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh; còn sau này Tòa án giải quyết quyền nuôi dưỡng con sau ly hôn thế nào thì anh cũng nhất trí.

Anh xác định hiện anh có nơi ăn ở ổn định ở thôn M, xã A; anh làm nghề bán hàng tự do nên không có tài liệu chứng cứ chứng minh mức thu nhập nhưng anh xác định anh thu nhập ổn định 10.000.000 đồng một tháng.

2.3. Về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ): Anh Đ xác định trong thời gian vợ chồng chung sống thì vợ chồng có vay của bố đẻ, chị gái anh, mỗi người 50 triệu đồng, vay ngân hàng 300 triệu đồng để làm ăn. Vợ chồng đã trả được một số nhưng vẫn còn nợ, anh không nhớ cụ thể là bao nhiêu. Tuy nhiên do chị Tr không thừa nhận việc vay nợ này nên anh thấy không cần thiết phải giải quyết. Anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết về công nợ của vợ chồng anh khi giải quyết vụ án chị Trang kiện ly hôn anh.

2.4. Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Ly hôn, anh tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết.

[3] Tại phiên tòa, chị Tr, anh Đ giữ nguyên quan điểm yêu cầu giải quyết về hôn nhân, về con chung và về tài sản như đã trình bày. Về án phí ly hôn sơ thẩm anh chị thống nhất chị Tr là người chịu toàn bộ án phí; chị Tr đề nghị chuyển tiền tạm ứng án phí chị đã nộp thành án phí anh chị phải chịu.

[4] Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện B có quan điểm:

* Về tố tụng, TAND huyện B thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án tại tòa và xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vũ Thị Quỳnh Tr. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị Quỳnh Tr và anh Nguyễn Tiến Đ.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tiến P, sinh ngày 28/10/2020 cho chị Vũ Thị Quỳnh Tr nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Bích N, sinh ngày 30/10/2018 cho anh Nguyễn Tiến Đ nuôi dưỡng. Chị Tr, anh Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vũ Thị Quỳnh Tr và anh Nguyễn Tiến Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về tố tụng: Hội đồng xét xử thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; bị đơn – anh Nguyễn Tiến Đ đăng ký nơi thường trú và nơi ở hiện tại là thôn M, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Do vậy Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Về giải quyết vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Vũ Thị Quỳnh Tr và anh Nguyễn Tiến Đ tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam vào ngày 16/5/2018; trước khi cưới được tự nguyện tìm hiểu.

Sau ngày cưới do yêu cầu của công việc nên vợ chồng chị Tr, anh Đ thường xuyên phải thuê nhà để ở mà không ở cùng với gia đình chồng. Vợ chồng anh chị chung sống đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân khi gặp khó khăn về kinh tế, bất đồng quan điểm trong cuộc sống thì anh chị không biết chia sẻ, thấu hiểu và thông cảm cho nhau; ai cũng giữ cái tôi của mình nên dẫn đến vợ chồng đã xảy ra to tiếng, tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt. Mâu thuẫn vợ chồng chị Tr anh Đ căng thẳng nhất từ tháng 6/2022 đến nay, chị Tr mang con thứ hai về nhà bố mẹ để ở, trong quá trình hai gia đình nói chuyện không những không hoà giải được mà còn xảy ra cãi nhau làm cho mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Tr anh Đ nói riêng và hai gia đình nói chung ngày thêm căng thẳng.

Hội đồng xét xử thấy rằng nay cả chị Tr anh Đ đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không còn khả năng đoàn tụ do vậy Hội đồng xét xử xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Tr và anh Đ là phù hợp với thực tế và đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Vũ Thị Quỳnh Tr và anh Nguyễn Tiến Đ có hai con chung là cháu Nguyễn Bích N, sinh ngày 30/10/2018 và cháu Nguyễn Tiến P, sinh ngày 28/10/2020. Hiện cháu N đang ở với anh Đ, cháu P đang ở với chị Tr và các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường.

Xét thấy tại thời điểm xét xử cháu P chưa đủ 03 tuổi và chị Tr có nguyện vọng được nuôi cháu; chị Tr và anh Đ có điều kiện nuôi con tương đương nhau do vậy

Hội đồng xét xử giao chị Tr được quyền nuôi dưỡng cháu P, anh Đ được quyền nuôi dưỡng cháu N; anh chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

2.3. Về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ): Mặc dù anh Đ xác định vợ chồng có vay nợ một số cá nhân, tổ chức nhưng anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết và cũng không trình bày cụ thể về các khoản vay nợ; chị Tr không thừa nhận vợ chồng vay nợ và cũng tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết; do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết vấn đề này.

[3] Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Do tại bản tự khai; tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải ngày 20/4/2023 và tại phiên toà chị Tr, anh Đ đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết những vấn đề này.

Nếu sau này chị Tr, anh Đ xảy ra tranh chấp về tài sản thì có quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vũ Thị Quỳnh Tr và anh Nguyễn Tiến Đ; mỗi người phải chịu 150.000 đồng.

Chấp nhận sự thoả thuận của chị Tr, anh Đ; chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Tr đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B thành án phí ly hôn sơ thẩm anh chị phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị Quỳnh Tr và anh Nguyễn Tiến Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tiến P, sinh ngày 28/10/2020 cho chị Vũ Thị Quỳnh Tr nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Bích N, sinh ngày 30/10/2018 cho anh Nguyễn Tiến Đ nuôi dưỡng. Chị Tr, anh Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Chị Tr, anh Đ và các thành viên gia đình chị Tr, anh Đ không được cản trở anh Đ, chị Tr trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P, cháu N.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vũ Thị Quỳnh Tr và anh Nguyễn Tiến Đ; mỗi người phải chịu 150.000 đồng.

Chấp nhận sự thoả thuận của chị Tr, anh Đ; chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Tr đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số AA/2021/0000542 ngày 10/4/2023 thành án phí ly hôn sơ thẩm chị Tr, anh Đ phải nộp. *(Chị T, anh Đ đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).*

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị Tr, anh Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đặng Trần Anh Dũng
(đã ký)